. **TÒA ÁN NHÂN DÂN** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **173**/2024/HS-ST
Ngày: **27-12-2024**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Phạm Thuận
+ Ông Nguyễn Tý
Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 165/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2024/QĐXXST–HS ngày 16 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T - sinh ngày 30 tháng 9 năm 1992 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông :Nguyễn Văn N (*sinh năm 1969*) và bà: Phan Thị H (*sinh năm 1969*); Vợ: Nguyễn Thị Thùy L (sinh năm: 1995; đã ly hôn); Có 03 con: con lớn nhất sinh năm 2015 nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/07/2024 bị TAND quận Thanh Khê ra Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 64/2024/QĐ-TA

Bị cáo bị bắt tạm và hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận T, thành phố Đà Nẵng từ ngày 10/9/2024. (Có mặt tại phiên toà)

- Bị hại: Ông Nguyễn Kim L1, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 3 L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (Có mặt tại phiên toà)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1962; Địa chỉ: 3 L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm: 1974; Địa chỉ: E Hồ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Ông Trần Duy L3, sinh năm: 1972 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân B; Địa chỉ: E Hồ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Ông Hồ Đức L4, sinh năm: 1978; Địa chỉ: xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm: 1968; Địa chỉ: B N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình sinh sống ở nhà K L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nguyễn Văn T thường được bà Nguyễn Thị L2 là cô ruột hay cho T tiền tiêu xài hằng ngày và bà L2 thường để tiền ở bên trong hộc tủ quần áo tại tầng 01 của nhà K L. Vào khoảng 08h00' ngày 25/6/2024, Nguyễn Văn T mở tủ quần áo để lấy tiền thì thấy bên trong hộc tủ có hai túi xách, trong đó có một túi xách nhỏ màu đen, T mở túi xách màu đen ra xem thì phát hiện bên trong túi xách có một số trang sức của ông Nguyễn Kim L1 là em ruột bà L2 gồm 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn mặt đá màu xanh, 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có gắn mặt đá màu xanh nên T lấy trộm số trang sức trên rồi nhanh chóng rời đi. Đến khoảng 09h20', Nguyễn Văn T đem số trang sức trên đến tiệm V, địa chỉ: E Hồ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng do ông Trần Duy L3 làm chủ thì gặp bà Huỳnh Thị T1 là vợ của ông L3 và bán lại số trang sức bằng kim loại màu vàng trên cho bà T1. Khi được bà T1 hỏi về nguồn gốc của tài sản, T nói với bà T1 đây là tài sản của bà nội T cho nên bà T1 không nghi ngờ về nguồn gốc và đồng ý mua lại số trang sức bằng kim loại màu vàng trên. Sau khi đem cân thì xác định trọng lượng của số trang sức T đem đến bán cho bà T1 là 03 (ba) chỉ 02 (hai) phân 05 (năm ly) thì hai bên đi đến thống nhất với nhau giá mua bán số trang sức trên là 12.200.000 đồng; số trang sức này bà Huỳnh Thị T1 sau khi mua đã đem đi phân kim làm thành miếng kim loại màu vàng nên không thu hồi được hiện trạng tài sản như lúc ban đầu. Khi được Cơ quan Công an cho biết số trang sức mà bà T1 mua của Nguyễn Văn T là tài sản do T thực hiện hành vi trộm cắp mà có thì bà T1 đã tự nguyện giao nộp lại số tài sản trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T để phục vụ quá trình điều tra.

Về phần Nguyễn Văn T, sau khi có tiền từ việc bán tài sản, T đem số tiền trên đến số B đường N, thành phố Đà Nẵng gặp ông Nguyễn Minh T2 và nhờ ông T2 mua giùm cho T một chiếc xe máy làm phương tiện đi lại thì ông T2 đồng ý và dẫn T đến cửa hàng Đ, địa chỉ: A N, thành phố Đà Nẵng do ông Hồ Đức L4 làm chủ và mua 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS: 43H9-2023 với giá 5.500.000 đồng; số tiền còn lại T sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết 4.200.000 đồng; còn 2.500.000 đồng Tây nộp lại Cơ quan Công an để phục vụ cho quá trình điều tra.

Tại Cáo trạng số 146 /CT-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án 09-15 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 01 miếng kim loại màu vàng, không rõ hình dạng, không rõ chất liệu được niêm phong theo quy định; 01 mặt đá dạng đá màu xanh, không rõ chất liệu, hình Ovan, chiều dài 1,5 cm, được niêm phong theo quy định; 01 mặt dạng đá màu xanh không rõ chất liệu hình Ovan chiều dài 2 cm, được niêm phong theo quy định. Ngày 21/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 1374 trả lại các tài sản trên cho ông Nguyễn Kim L1.

- Đối số tiền 2.500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T – đây là số tiền còn lại có được từ việc bán vàng cho bà Huỳnh Thị T1, đề nghị trả lại cho chủ sở hữu là ông Trần Duy L3 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân B.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 43H9-2023, số khung: 004767; số máy: 04767 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0076857 mang tên Trịnh Thị Bích L5 - đây là tài sản do T mua bằng tiền bán vàng cho doanh nghiệp tư nhân B. Đề nghị trả lại cho Nguyễn Văn T tuy nhiên tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục quy trữ tại hồ sơ vụ án những tài liệu chứng cứ:

+ 01 giấy biên nhận mua bán xe 43H9 – 2023 của cửa hàng Đ, địa chỉ A N, thành phố Đà Nẵng thu giữ của Nguyễn Văn T.

+ 01 (một) đĩa CD chứa nội dung, hình ảnh liên quan đến việc mua bán vàng tại hiệu vàng Bảo Linh M, địa chỉ E Hồ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng vào sáng ngày 25/6/2024.

+ 01 (một) đĩa DVD lưu trữ 01 đoạn video về hỏi cung bị can có thực hiện ghi âm ghi hình có âm thanh.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Kim L1 đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Huỳnh Thị T1 và ông Trần Duy L3 yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 12.200.000 đồng, hiện tại Tây chưa bồi thường.

Đối với yêu cầu này, tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị T1 và ông Trần Duy L3 có đơn xin xét xử vắng mặt, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án có lời khai thể hiện việc bà T1 và ông L3 yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 12.200.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao số tiền 2.500.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T cho ông Trần Duy L3 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân B, đồng thời áp dụng Điều 584, 585 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường cho ông L3 số tiền còn thiếu là 9.700.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Lúc 08 giờ 00’ ngày 25/6/2024, tại nhà K L, phường T, quận T thành phố Đà Nẵng; Nguyễn Văn T lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Nguyễn Kim L1 đã lén lút lấy trộm 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có gắn mặt đá màu xanh, 01 mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng có gắn mặt đá màu xanh có tổng giá trị là : 19.342.000 đồng.

Hành vi trên của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy Cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội bị cáo thì thấy:

Bị cáo là một thanh niên khoẻ mạnh nhưng lười lao động, vì lòng tham và để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân nên nên đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có

điều kiện cải tạo tu dưỡng trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, ngày 08/07/2024 bị TAND quận Thanh Khê ra Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng theo Quyết định số 64/2024/QĐ-TA nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt tương ứng với mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo.

Từ những phân tích trên, xét lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng về tội danh, mức hình phạt là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét ông Trần Duy L3 – chủ Doanh nghiệp tư nhân B yêu cầu Nguyễn Văn T bồi thường số tiền 12.200.000 đồng, thì thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T đã gây thiệt hại về tài sản cho ông Trần Duy L3 nên phải chịu trách nhiệm bồi thường theo các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Quá trình điều tra, có thu giữ của bị cáo số tiền mặt 2.500.000 đồng, về bản chất đây là số tiền có từ giao dịch mua bán vàng giữa bị cáo và Doanh nghiệp tư nhân B, tại phiên toà bị cáo có nguyện vọng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho ông Trần Duy L3 số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố thì ông Trần Duy L3 không biết số vàng này là do trộm cắp mà có và đã tự giao nộp lại cho cơ quan cảnh sát điều tra để trả lại cho người bị hại là ông Nguyễn Kim L1, do vậy để đảm bảo quyền lợi hợp pháp và chính đáng của ông L3 cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê về việc trả cho ông L3 số tiền 2.500.000 đồng đã thu giữ của bị cáo và tiếp tục buộc bị cáo phải bồi thường cho ông L3 số tiền còn lại là 9.700.000 đồng (*Chín triệu bảy trăm nghìn đồng).*

[7] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử áp dụng các quy định điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để giải quyết:

- 01 miếng kim loại màu vàng, không rõ hình dạng, không rõ chất liệu được niêm phong theo quy định; 01 mặt đá dạng đá màu xanh, không rõ chất liệu, hình Ovan, chiều dài 1,5 cm, được niêm phong theo quy định; 01 mặt dạng đá màu xanh không rõ chất liệu hình Ovan chiều dài 2 cm, được niêm phong theo quy định. Ngày 21/10/2024, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 1374 trả lại các tài sản trên cho ông Nguyễn Kim L1 là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Số tiền 2.500.000 đồng (Bao gồm 04 tờ 500.000 đồng; 02 tờ 200.000 đồng; 01 tờ 100.000 đồng) thu giữ của Nguyễn Văn T trả lại cho ông Trần Duy L3.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 43H9-2023, số khung: 004767; số máy: 04767 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0076857 mang tên Trịnh Thị Bích L5 thu giữ của Nguyễn Văn T là tài sản được bị cáo mua từ cửa hàng xe máy cũ Đ, xét thấy giao dịch mua bán xe giữa bị cáo và cửa hàng là tự nguyện, sự thỏa thuận giữa các bên là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định giao dịch dân sự này là hợp pháp, bị cáo là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe này nên cần trả lại cho bị cáo khi án có hiệu lực pháp luật nhưng cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Các vật chứng kèm hồ sơ vụ án có giá trị chứng minh tội phạm nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ là:

- 01 giấy biên nhận mua bán xe 43H9 – 2023 của cửa hàng Đ, địa chỉ A N, thành phố Đà Nẵng thu giữ của Nguyễn Văn T.

- 01 (một) đĩa CD chứa nội dung, hình ảnh liên quan đến việc mua bán vàng tại hiệu vàng Bảo Linh M, địa chỉ E Hồ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng vào sáng ngày 25/6/2024.

- 01 (một) đĩa DVD lưu trữ 01 đoạn video về hỏi cung bị can có thực hiện ghi âm ghi hình có âm thanh.

[8] Đối với bà Huỳnh Thị T1 là người mua các tài sản của T, nhưng bà T1 không biết các tài sản trên do Nguyễn Văn T thực hiện hành vi phạm tội mà có, mặt khác sau khi biết được đó là tài sản bất hợp pháp, bà T1 đã chủ động giao nộp lại các tài sản trên cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận T để trả lại cho chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận T không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Minh T2 và Hồ Đức L4 là người giới thiệu và người bán xe mô tô hiệu Sirius BKS 43H9-2023 cho Nguyễn Văn T, tuy nhiên ông T2 và ông L4 không biết việc T mua chiếc xe trên từ tiền phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an quận T không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù**.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông Huỳnh Duy L6 số tiền 9.700.000 đồng *(Chín triệu bảy trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Số tiền 2.500.000 đồng (Bao gồm 04 tờ 500.000 đồng; 02 tờ 200.000 đồng; 01 tờ 100.000 đồng) thu giữ của Nguyễn Văn T theo biên lai thu số 0000404 ngày 21 tháng 11 năm 2024 được trả lại cho ông Trần Duy L3.

- Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius BKS 43H9-2023, số khung: 004767; số máy: 04767 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0076857 mang tên Trịnh Thị Bích L5 theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, chứng cứ ngày 20 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án:

+ 01 giấy biên nhận mua bán xe 43H9 – 2023 của cửa hàng Đ, địa chỉ A N, thành phố Đà Nẵng thu giữ của Nguyễn Văn T.

+ 01 (một) đĩa CD chứa nội dung, hình ảnh liên quan đến việc mua bán vàng tại hiệu vàng Bảo Linh M, địa chỉ E Hồ Q, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng vào sáng ngày 25/6/2024.

+ 01 (một) đĩa DVD lưu trữ 01 đoạn video về hỏi cung bị caó có thực hiện ghi âm ghi hình có âm thanh.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* và án phí dân sự sơ thẩm là 485.000 đồng *(Bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).*

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; người TGTT;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thanh Khê;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA Đà Nẵng;
- Nhà tạm giữ Công quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Ánh